TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2017.
V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức.

2. Ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST - HNGĐ ngày 12/7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Chị Bùi Thị G, sinh năm 1983*

ĐKHKTT: Tổ 15, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Tổ 25, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: *Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981*

ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 15, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị G và anh Đ mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****) Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2017, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn: Chị Bùi Thị G trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:***

Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 09/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh Đ tại địa chỉ tổ 15, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc làm ăn kinh tế và anh Đ hay nghi ngờ chị ngoại tình nên thường xuyên xúc phạm chị dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung ngày càng căng thẳng. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Đến tháng 8/2016 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22/01/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 11/10/2016, các con ở cùng với chị từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con. Chị đang là kiểm nghiệm viên của Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thuộc sở Y tế Thái Bình, lương hàng tháng của chị là 4.000.000 đồng, ngoài ra chị còn bán thuốc tân dược, thu nhập hàng tháng là 3.500.000 đồng. Hiện nay chị và hai con đang đang ở nhà của chị Nguyễn Thị M (là chủ cửa hàng thuốc) tại địa chỉ tổ 25, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vì vậy chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con. Hiện nay chị không có thai.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

****) Ông Đào Đình K - Tổ trưởng tổ dân phố số 15, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp nội dung sau:***

Trong quá trình chung sống, anh Đ và chị G đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, tuy nhiên cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì ông không nắm được vì không thấy ai báo cáo gì. Việc chị G xin ly hôn anh Đ thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị G và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22/01/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 11/10/2016, khi anh Đ và chị G ly hôn việc nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung của chị G và anh Đ thì ông không nắm được.

) Ông Nguyễn Văn X, 83 tuổi, trú tại tổ 15, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (là bố đẻ của anh Nguyễn văn Đ) cung cấp nội dung như sau:

Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống giữa anh Đ và chị G đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì ông và gia đình không biết, giữa chị G với gia đình ông không có mâu thuẫn gì. Từ tháng 8/2016, chị G cùng hai con ra ngoài sinh sống, chị G và anh Đ cũng ly thân từ đó. Gia đình ông đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số 45/2017/TB-TLVA ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình (do bà Vũ Thị H – là mẹ đẻ của anh Đ nhận) và đã giao lại cho anh Đ, anh Đại có nói lại với ông bà là anh đồng ý ly hôn nhưng anh không đến Tòa án vì anh làm lái xe đường dài, thời gian làm việc không ổn định. Việc anh Đ và chị G ly hôn thì gia đình ông không can thiệp.

Anh Đ và chị G có hai con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22/01/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 11/10/2016, chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con thì gia đình ông cũng nhất trí do hiện nay anh Đ là lái xe đường dài, đi làm 03 đến 04 ngày thì được nghỉ 02 ngày, thời gian làm việc không ổn định, không có điều kiện để chăm sóc các con.

Anh Đ và chị G không có tài sản chung, còn về công nợ của hai người thì gia đình ông không nắm được. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Đ, ông đề nghị gửi về địa chỉ tổ 15, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình ông sẽ có trách nhiệm giao lại cho anh Đ.

) Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964, trú tại tổ 25, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp nội dung sau:

Bà và chị Bùi Thị G là đồng nghiệp, từ khi chị G và anh Nguyễn Văn Đ ly thân đến nay thì chị G và hai con ở nhờ nhà của bà tại địa chỉ tổ 25, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Do điều kiện của chị G khó khăn nên bà cho chị G và hai con ở nhờ chứ bà không cho thuê, hàng ngày chị G quản lý và sử dụng ngôi nhà này. Ngoài ra, bà có kinh doanh thuốc tân dược tại tầng 01 của ngôi nhà, ngoài giờ làm việc và những ngày nghỉ, ngày lễ thì chị G bán hàng cho bà, hàng tháng bà trả lương cho chị G 4.000.000 đồng/tháng. Ngôi nhà mà bà cho chị G ở nhờ có 03 tầng, tầng 01 dùng để kinh doanh thuốc tân dược, hai tầng còn lại thì chị G được sử dụng toàn bộ.

) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 147; 203; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

+ Về con chung: Xử giao con Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22/01/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 11/10/2016 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chị G không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Do anh Đ chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ không trình bày lời khai và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn là chị Bùi Thị G có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn là chị Bùi Thị G và vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ.

[2] **Về nội dung:**

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị G và anh Nguyễn Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong xây dựng kinh tế gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến tháng 8/2016 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị G và anh Đ là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị G được ly hôn anh Đ là đúng pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị G và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22/01/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 11/10/2016. Từ khi chị G và anh Đ ly thân đến nay thì các con ở cùng chị G, chị G có đủ điều kiện về thu nhập, về chỗ ở để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Còn anh Đ do tính chất công việc là lái xe đường dài, thời gian làm việc không ổn định nên không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Mặt khác, các con còn quá nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của chị G, cuộc sống của các con đang ổn định nên cần giao cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Q và Nguyễn Minh D, chị G không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản: Do anh Đ chưa có lời khai về tài sản chung của vợ chồng nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị G phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: Điều 147; 203; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

I/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

II/ Về quan hệ con chung: Xử giao con Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22/01/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 11/10/2016 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chị G không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Chị G và anh Đ có quyền, nghĩa vụchăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

III/Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

IV/ Án phí: Chị Bùi Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0006438 ngày 25/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự, báo cho các dương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái